TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2019
Về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường;

2. Bà Trần Thị Phiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con khi ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp An T, xã An K, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Phan Duy T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp An N, xã An K, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), có mặt bị đơn.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qúa trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:

Chị Tr và anh T tự tìm hiểu vài tháng, sau đó tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn, do thời điểm cưới, anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường gây gỗ nhau, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó từ tháng 7-2018, vợ chồng ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có một (01) con. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu nuôi con tên Phan Gia H, sinh ngày 07-7-2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. (Hiện cháu H đang sống với chị Tr.)

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, anh Phan Duy T trình bày:

Anh T thống nhất lời trình bày của chị Tr việc việc kết hôn. Anh T và chị Tr là bạn học từ thời phổ thông, tình cờ gặp lại tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên tìm hiểu khoảng 3-4 tháng, sau đó tổ chức cưới vào tháng 12/2015, nhưng không đăng ký kết hôn vì lúc đó anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Qúa trình chung sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn gia đình về tiền bạc giữa chị Tr và mẹ chồng. Do đó, chị Tr tự ý bỏ đi Phan Thiết làm ăn. Vì thương vợ, anh T cũng theo. Nhưng do việc làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng về Thành phố Hồ Chí Minh thuê trọ sống. Anh T phát hiện chị Trâm có quan hệ tình cảm với người khác, nên vợ chồng không còn tình cảm. Anh T, chị Tr ly thân từ tháng 3-2018 đến nay. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn chị Trâm.

- Về con chung: Anh Tthống nhất lời trình bày của chị Tr là có một con. Khi ly hôn, anh Tđồng ý cho chị Trâm nuôi con tên Phan Gia H, sinh 07-7-2016, anh Tính tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. (Hiện cháu H đang sống với chị Tr.)

- Về tài sản chung:

Trước đây, anh T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm xe mô tô hiệu Honda, loại Vision biển số 66C1-29522 do chị Nguyễn Thị Ngọc Tr đứng tên và 20 chỉ vàng 24K nữ trang cưới. Nay anh Tính rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Tr

và anh T. Về con: Giao con Phan Gia H, sinh 07-7-2016, cho chị Trâm nuôi. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh T. Nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Phan Duy T đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc Tr về việc yêu cầu ly hôn anh Phan Duy T. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Tr và anh T được hai bên gia đình tổ chức cưới và chung sống từ tháng 12/2015, nhưng không đăng ký kết hôn, là đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý..."

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. .." .

[2.2] Nguyên nhân chị Tr, anh T không đăng ký kết hôn là do thời điểm tổ chức cưới anh Tính chưa đủ tuổi. Nhưng, lẽ ra, khi đủ tuổi đăng ký kết hôn, anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị Tr và anh T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa mẹ chồng, nàng dâu, mâu thuẫn về kinh tế, về tính tình không phù hợp, hai bên đều cho rằng người kia không chung thủy. Từ đó, tình cảm vợ chồng càng xa cách. Anh T trình bày vợ chồng ly thân từ tháng 3-2018 đến nay. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị Tr, anh T không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2.3] Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định**:**

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì

Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..".

[2.4] Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Tr yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị Tr và anh T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Có một (01) con. Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu nuôi con tên Phan Gia H, sinh 07-7-2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý giao con cho chị Trnuôi.

[3.1] Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn:

"1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự,...

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trong trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ..."

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn:

"1. …

2….

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở."

[3.2] Xét thấy,việc thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Tr và anh T là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị Trâm, anh Tính.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do anh T rút yêu cầu chia tài sản chung, chị Tr thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung.

[6] Về nợ chung: : Do chị Tr, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Tr phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy

định của pháp luật. Hoàn trả cho anh T tạm ứng án phí chia tài sản chung mà anh T đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 218, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Phan Duy T.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, thăm nom con: Công nhận sự thỏa thuận của chị Tr và anh T:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 07-7-2016. (Hiện cháu H đang sống với chị Tr.)

- Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa anh T và chị Tr.

4. Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Trâm đã nộp ngày 26-4-2019 theo biên lai số 0000014 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được chuyển thành án phí.

Hoàn trả cho anh Phan Duy T số tiền tạm ứng án phí 1.050.000 đồng đã nộp ngày 21-6-2019 theo biên lai số 0000042 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Đương sự (anh T) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng chị Tr vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự (sửa đổi. bổ sung năm 2014.)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp;
- Viện Kiểm sát nhân dân Huyện;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Kiều Kim Xuân